

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

đã được soát xét



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	05 - 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</i>	08 - 09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</i>	10 - 11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</i>	12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</i>	13 - 33

80 -
CÔNG
CỔ PH
JNG
CỔ C

T.P.H

N.030
TRÁC
DỊCH
TÀI C
VÀ
PHẦN 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 kết thúc cùng ngày.

Khái quát

Thành lập:	Giấy phép số 80/ UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ:	200.000.000.000 đồng.
Ngành nghề kinh doanh:	Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Tư vấn tài chính. Lưu ký và quản lý cổ đông.
Hoạt động chính trong kỳ:	Tư vấn tài chính.
Trụ sở chính:	Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Vị trí
Bà Hà Thị Trang	Chủ tịch
Ông Hồ Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Vị trí
Ông Nguyễn Thành Sơn	Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên
Bà Lâm Thị Tuyết Ngân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Hà Thị Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Địa chỉ: Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, tình hình tài chính và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 33 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Số: 214/BCSX/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ký ngày 08/03/2018 đã đưa ra ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2018</i> VND	<i>01/01/2018</i> VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.181.103.057	99.104.604.550
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>148.081.282.356</i>	<i>99.075.974.111</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.5.1	147.680.263.156	99.030.204.911
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>147.680.263.156</i>	<i>99.030.204.911</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	A.5.2	3.126.232	3.126.232
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.5.4	(2.107.032)	(2.107.032)
Trả trước cho người bán	118		-	30.000.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.5.5	400.000.000	-
Các khoản phải thu khác	122		-	14.750.000
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>99.820.701</i>	<i>28.630.439</i>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		99.820.701	28.630.439
 TÀI SẢN DÀI HẠN	 200		 478.761.499	 1.174.134.427
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>45.797.324</i>	<i>54.384.326</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	A.5.6	45.797.324	54.384.326
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>85.870.000</i>	<i>85.870.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(40.072.676)</i>	<i>(31.485.674)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>432.964.175</i>	<i>1.119.750.101</i>
Chi phí trả trước dài hạn	252	A.5.7	432.964.175	1.119.750.101
 TỔNG CỘNG TÀI SẢN	 270		 148.659.864.556	 100.278.738.977

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2018</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2018</i> <i>VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		535.046.865	(133.717.428)
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>535.046.865</i>	<i>(133.717.428)</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.5.8	175.636.890	11.550.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	A.5.9	500.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.5.10	13.027.143	19.900.000
Phải trả người lao động	323		152.495.714	86.400.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		-	54.545.454
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		(306.112.882)	(306.112.882)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.124.817.691	100.412.456.405
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>148.124.817.691</i>	<i>100.412.456.405</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	150.000.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>A.5.11</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		165.792.343	165.792.343
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.050.433.903	1.050.433.903
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(53.091.408.555)	(50.803.769.841)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(53.089.272.123)</i>	<i>(50.801.633.409)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện</i>	<i>417.2</i>		<i>(2.136.432)</i>	<i>(2.136.432)</i>
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		148.659.864.556	100.278.738.977

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn,
P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán
từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2018</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2018</i> <i>VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		85.500.000	85.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	A.5.12	20.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		3.150.000	3.150.000

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Hồ Thị Minh Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	91.923.697
<i>Lãi bán tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		-	<i>15.748.703</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		-	<i>36.206.406</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>		-	<i>39.968.588</i>
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HMT)	02		-	1.243.882.913
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		363.636.364	75.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		363.636.364	1.410.806.610
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	261.376.005
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>		-	<i>259.072.273</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.2</i>		-	<i>2.303.732</i>
Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	964.187
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		-	262.340.192
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		18.225.137	5.713.651
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		18.225.137	5.713.651
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	<i>B.5.1</i>	2.669.500.215	4.983.891.558
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		(2.287.638.714)	(3.829.711.489)
THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		-	868.771.057
Chi phí khác	72		-	1.108.988.958
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	(240.217.901)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</i>
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)	90		(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
Lợi nhuận đã thực hiện	91			(4.067.792.958)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92			(2.136.432)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B.5.2a	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	B.5.2d	-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B.5.3	(134)	(271)



Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu



Hồ Thị Minh Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế TNDN</i>	<i>01</i>		<i>(2.287.638.714)</i>	<i>(4.069.929.390)</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>	<i>02</i>		<i>(9.638.135)</i>	<i>166.454.745</i>
Khấu hao TSCĐ	03		8.587.002	55.129.294
Các khoản dự phòng	04		-	(121.539.106)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(18.225.137)	232.864.557
<i>Tăng các chi phí tiền tệ</i>	<i>10</i>		<i>-</i>	<i>2.303.732</i>
Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11		-	2.303.732
<i>Giảm các doanh thu phi tiền tệ</i>	<i>18</i>		<i>-</i>	<i>(167.300)</i>
Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19		-	(167.300)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>30</i>		<i>929.109.957</i>	<i>66.996.975.143</i>
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31		-	(3.126.232)
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	87.017.389.463
(Tăng)/giảm TSTC sẵn sàng để bán (AFS)	34		-	548.949.091
(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		100.000.000	-
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		14.750.000	(21.288.083.055)
(Tăng)/giảm các tài sản khác	40			836.418.965
(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(54.545.454)	-
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	42		686.785.926	-
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45		194.086.890	(21.470.217)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(6.872.857)	(106.453.725)
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		66.095.714	-
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50			13.350.853
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(71.190.262)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>60</i>		<i>(1.368.166.892)</i>	<i>63.095.636.930</i>

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	868.636.363
--	----	--	---	-------------

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
			VND	VND
Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	(19.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	14.000.000.000
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		18.225.137	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		18.225.137	(4.131.363.637)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		50.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(7.000.000.000)
Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		-	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		50.000.000.000	(7.000.000.000)

Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ (50=20+70+80)	90		48.650.058.245	51.964.273.293
--	-----------	--	-----------------------	-----------------------

Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	A.5.1	99.030.204.911	3.536.945.659
Tiền	101.1		99.030.204.911	536.945.659
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	3.000.000.000

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103=90+101)	103	A.5.1	147.680.263.156	55.501.218.952
Tiền	103.1		147.680.263.156	55.501.218.952
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-


Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu


Hồ Thị Minh Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi tiêu	Số đầu kỳ				Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ			
	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này	
	VND	VND	Tăng	VND	(Giảm)	VND	Tăng	VND	(Giảm)	VND	VND	VND
I Biến động Vốn chủ sở hữu												
1 Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	165.792.343	165.792.343	-	-	-	-	-	165.792.343	-	165.792.343	165.792.343	165.792.343
3 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	-	-	-	1.050.433.903	-	1.050.433.903	1.050.433.903	1.050.433.903
4 Lợi nhuận chưa phân phối	(45.167.250.129)	(50.803.769.841)	-	-	-	4.069.929.390	-	2.287.638.714	(49.237.179.519)	(53.091.408.555)	(53.091.408.555)	(53.091.408.555)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(45.167.250.129)	(50.801.633.409)	-	-	-	4.067.792.958	-	2.287.638.714	(49.235.043.087)	(53.089.272.123)	(53.089.272.123)	(53.089.272.123)
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	-	(2.136.432)	-	-	-	2.136.432	-	(2.136.432)	(2.136.432)	(2.136.432)	(2.136.432)	(2.136.432)
Cộng	106.048.976.117	100.412.456.405	-	4.069.929.390	50.000.000.000	2.287.638.714	101.979.046.727	148.124.817.691	148.124.817.691	148.124.817.691	148.124.817.691	148.124.817.691

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Hồ Thị Minh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 80/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008;
- Các giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GP ngày 15 tháng 05 năm 2013; giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 08 năm 2013; giấy phép điều chỉnh số 51/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 11 năm 2015; giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 01 năm 2016; giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 04 năm 2018;
- Quyết định số 834/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 11 tháng 12 năm 2015 về việc chấm dứt tư cách thành viên;
- Quyết định số 569/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc chấm dứt tư cách thành viên.

Trụ sở chính: Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành lần đầu năm 2008, sửa đổi bổ sung ngày 16 tháng 04 năm 2018.

1.3. Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

1.4. Mục tiêu hoạt động

Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật. Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, mang lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

1.5. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ

Tư vấn tài chính.

1.6. Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đầu tư trái phiếu

Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết nhưng tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

Đầu tư tài chính

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

1.7. Cấu trúc Công ty

Công ty không có công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm 30/06/2018.

1.8. Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 25 người, trong đó có 9 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 19 người, trong đó có 9 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 25 tháng 01 năm 2008 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của CTCK bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phải sinh bao gồm phải sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý 5 năm

4.5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là khoản phải thu ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là khoản phải thu dài hạn.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4.6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là khoản phải trả dài hạn.

4.7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

Các quỹ	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	Do ĐHCĐ quyết định	-

4.8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi phí tài chính được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ (không phân biệt đã được thanh toán hay chưa) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.12. Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

4.13. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

A.5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	16.664.530	1.004.204.467
Tiền gửi ngân hàng	147.663.598.626	98.026.000.444
Cộng	147.680.263.156	99.030.204.911

A.5.2. Các loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại	Giá ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu niêm yết	-	40.800	-	40.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.126.232	978.400	3.126.232	978.400
Cộng	3.126.232	1.019.200	3.126.232	1.019.200

Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

A.5.4. Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) kỳ này
A	B	I	2	3	4	5	6
I	TSTC FVTPL	315	3.126.232	1.019.200	2.107.032	2.107.032	-
1	Cổ phiếu niêm yết	2	-	40.800	(40.800)	(40.800)	-
	SBT	2	-	40.800	(40.800)	(40.800)	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	313	3.126.232	978.400	2.147.832	2.147.832	-
	CAD	2	16.200	1.200	15.000	15.000	-
	ICI	26	106.600	234.000	(127.400)	(127.400)	-
	S96	5	200.332	3.500	196.832	196.832	-
	VSP	101	902.300	111.100	791.200	791.200	-
	BTH	40	412.000	400.000	12.000	12.000	-
	CTM	99	720.000	138.600	581.400	581.400	-
	MCV	20	438.800	72.000	366.800	366.800	-
	TAS	20	330.000	18.000	312.000	312.000	-
II	TSTC HTM	-	-	-	-	-	-
III	TSTC cho vay	-	-	-	-	-	-
IV	TSTC AFS	-	-	-	-	-	-
Cộng		315	3.126.232	1.019.200	2.107.032	2.107.032	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

A.5.5. Phải thu các dịch vụ Công ty đã cung cấp

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	400.000.000	-
Cộng	400.000.000	-

A.5.6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>
	<u>VND</u>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	85.870.000
Mua mới	-
Số cuối kỳ	85.870.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	31.485.674
Khấu hao trong kỳ	8.587.002
Số cuối kỳ	40.072.676
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	54.384.326
Số cuối kỳ	45.797.324

A.5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí thiết kế logo và nhận dạng doanh nghiệp, phí thẩm định dự án	432.964.175	1.052.226.684
Chi phí chờ phân bổ khác	-	67.523.417
Cộng	432.964.175	1.119.750.101

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

A.5.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/06/2018</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2018</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH Dịch Vụ Thông Tin Kinh Tế Và Tài Chính	175.636.890	-
Công Ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT	-	11.550.000
Cộng	<u>175.636.890</u>	<u>11.550.000</u>

A.5.9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/06/2018</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2018</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ Phần Hòn Tằm Biển Nha Trang	500.000.000	-
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>-</u>

A.5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2018</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2018</u> <u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	13.027.143	19.900.000
Cộng	<u>13.027.143</u>	<u>19.900.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

A.5.11. Vốn chủ sở hữu

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ sở hữu	VND	Tỷ lệ sở hữu
Lê Hoàng Kiều	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Cao Nam Giang	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Bùi Quang Vũ	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Lê Phúc Lộc	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Trần Quang Huy	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Bùi Phương Quang	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Vũ Đức Dũng	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Vũ Ngọc Vượng	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Trần Thị Mỹ	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Thế Anh	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Thừa Nhật	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Thu Trà	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Phạm Anh Tuấn	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Phạm Việt Hùng	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Thái Thị Thùy	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Cẩm Lai	4.000.000.000	2,0%	3.000.000.000	2,0%
Nguyễn Huy Tuấn	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Minh Phương	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Ngọc Linh	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Nguyễn Quỳnh Trang	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Lâm Thị Tuyết Ngân	9.800.000.000	4,9%	7.350.000.000	4,9%
Cộng	200.000.000.000	100,0%	150.000.000.000	100,0%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

A.5.12. Cổ phiếu đang lưu hành

	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	20.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

B.5.1. Chi phí quản lý công ty

	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	934.356.266	2.823.004.283
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	-	257.934.800
Chi phí văn phòng phẩm	5.627.181	3.525.712
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.064.816	14.814.637
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.587.002	55.129.293
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.680.926.360	1.655.364.204
Chi phí khác	24.938.590	171.118.629
Cộng	2.669.500.215	4.983.891.558

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

B.5.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
Chuyển lỗ năm trước (5)	-	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

b. Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để cân trừ các khoản lỗ tính thuế đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

B.5.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>	<i>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.287.638.714)	(4.069.929.390)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	17.099.448	15.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(134)	(271)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL
Số L14 - 01, Tầng 14 Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3822 3558 Fax: (028) 3822 3437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

C. Những thông tin khác

C.5.1. Tài sản tài chính và nợ tài chính

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi sổ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.680.263.156	-	-	-	99.030.204.911	-
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.126.232	2.107.032	3.126.232	2.107.032	3.126.232	2.107.032
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	400.000.000	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	-	14.750.000	-
Cộng	148.083.389.388	2.107.032	99.048.081.143	2.107.032	114.886.435.911	2.107.032
Nợ tài chính						
Phải trả người bán ngắn hạn	175.636.890	-	-	-	11.550.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.027.143	-	-	-	19.900.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	54.545.454	-
Cộng	188.664.033	-	-	-	85.995.454	-

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

C.5.2. Quản trị về rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do khách hàng là các đơn vị có uy tín.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Cuối kỳ	188.664.033	-	-	188.664.033
Phải trả người bán ngắn hạn	175.636.890	-	-	175.636.890
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.027.143	-	-	13.027.143
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu kỳ	85.995.454	-	-	85.995.454
Phải trả người bán ngắn hạn	11.550.000	-	-	11.550.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.900.000	-	-	19.900.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	54.545.454	-	-	54.545.454

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.126.232	-	2.107.032

C.5.3. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	<i>Từ 01/01/2018</i> <i>đến 30/06/2018</i> <i>VND</i>	<i>Từ 01/01/2017</i> <i>đến 30/06/2017</i> <i>VND</i>
Lương, thù lao HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	60.000.000	1.264.800.000

C.5.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Số liệu các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính đã được trình bày bổ sung cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay như sau:

<i>Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính</i>	<i>31/12/2017</i> <i>(Trước trình bày bổ sung)</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2017</i> <i>(Sau trình bày bổ sung)</i> <i>VND</i>	<i>Chênh lệch tăng/(giảm)</i> <i>VND</i>
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	-	15.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	-	3.150.000	3.150.000

C.5.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

C.5.6. Thông tin khác

Công ty đang làm thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở chính về địa chỉ Tầng 5, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu



Hồ Thị Minh Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

